

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH G

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày: 06/3/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng đại lý”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Kim Loan và ông Nguyễn Bá Lý;
- *T ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhớ – T ký Tòa án nhân dân thành phố P tỉnh G;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2023/TLST-KDTM, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST- KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty H.M. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ng. - Giám đốc. Địa chỉ: số 41, đường 1E, khu dân cư Trung Sơn, xã B.H, huyện B.C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Anh T. Địa chỉ: 1045a Hoàng Sa, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2023).

- Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N(Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn D). Địa chỉ: 18 Lê Lai, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/05/2018, Công ty H.M(gọi tắt là: Công ty H.M) và Công ty cổ phần G CTC có ký hợp đồng đại lý cho các sản phẩm cặp, balo, túi xách Hami hàng Việt Nam chất lượng cao và các sản phẩm khác do Công ty H.M sản xuất và cung cấp.

Thực hiện theo sự thoả thuận của hai bên trong hợp đồng, Công ty H.M tiến hành cung cấp các sản phẩm trên cho Công ty G CTC, nhưng Công ty này không chịu thanh toán tiền hàng cho Công ty H.M tính từ đơn hàng ngày 12/3/2018 đến đơn hàng cuối cùng ngày 22/6/2018 với tổng số tiền gốc là 245.084.777 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng); đến tháng 6/2020 bên Công ty G CTC có thanh toán cho Công ty H.M số tiền gốc 22.569.990đồng và từ đó cho đến nay bên Công ty G CTC không trả thêm khoản tiền nào nữa. Sau đó, Công ty G CTC có gửi đến công ty H.M nhiều thông báo gia hạn nhưng vẫn không thanh toán số tiền trên cho công ty H.M. Công ty H.M đã rất thiện chí và gia hạn thanh toán khoản nợ trên nhiều lần và chấp nhận bút toán nhận lại hết toàn bộ hàng trả đang bán trên các hệ thống cửa hàng của Công ty cổ phần G CTC, chấp nhận hàng trả lại để quyết toán công nợ. Đồng thời gửi đi nhiều thông báo đến cho Công ty cổ phần G CTC nhưng Công ty này cố tình không phản hồi và cũng không thanh toán, kéo dài công nợ nhiều năm gây thiệt hại và khó khăn cho Công ty H.M.

Công ty cổ phần G CTC (Nay đã đổi tên là Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim Tây Nguyên, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 29/4/2021 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh G).

Nay Công ty H.M đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết buộc Công ty Hoàng Kim T.N(tiên thân là Công ty G CTC) phải thanh toán tiền hàng cho Công ty H.M tính từ đơn hàng ngày 12/03/2018 đến đơn hàng cuối cùng ngày 22/6/2018 với tổng số tiền hàng còn nợ là: 222.514.787đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, bảy trăm tám bảy đồng*) và lãi suất chậm trả đã thoả thuận là 9%/năm, cụ thể từng thời gian như sau:

- Từ tháng 7/2018 đến tháng 5/2020 là 23 tháng, như vậy số tiền gốc 245.084.777 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng = 42.277.123 đồng.

- Từ tháng 7/2020 đến ngày 06/3/2024 xét xử sơ thẩm là 44 tháng 06 ngày, như vậy: Số tiền gốc 222.514.787đồng x 0,75%/tháng x 44 tháng 06 ngày = 73.763.651 đồng.

Tổng cộng tiền lãi 42.277.123 đồng + 73.763.651 đồng = 116.040.774 đồng.

Tổng số tiền hàng còn nợ và lãi suất chậm trả mà Công ty H.M yêu cầu Toà án nhân dân thành phố P tỉnh G buộc Công ty Hoàng Kim T.N(tiên thân là Công ty G CTC) phải thanh toán là **338.555.561 đồng** (*Ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi năm nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng*).

Về án phí Kinh doanh Tong mại sơ thẩm đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Đối với bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N(Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn D); Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và xác định bị đơn đang làm việc tại địa chỉ: 18 Lê Lai, thành phố P tỉnh G. Tất cả các văn bản tố tụng của

Toà án giao đến đều có nhân viên nhận hợp lệ và cam kết giao trực tiếp cho Công ty, nhưng bên Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N không cử người đại diện để tham gia các buổi Công khai chứng cứ và hoà giải, đến ngày vụ án được đưa ra xét xử bên bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N đã chuyển địa chỉ nhưng không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn và Toà án biết, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Toà án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” và bị đơn có địa chỉ tại thành phố P nên Toà án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền xét xử theo qui định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng đại lý số: 13/HĐĐL/2018 ngày 02/5/2018 được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất H.M với Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Kim T.N (tiền thân là Công ty cổ phần G CTC) là hoàn toàn tự Ng., nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã nhận các mặt hàng do bên nguyên đơn cung cấp (được thể hiện trên chứng từ do nguyên đơn cung cấp), tuy nhiên đến thời hạn thanh toán tiền hàng nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản gửi cho bị đơn để nhắc nhở trả tiền đúng thời hạn, nhưng bị đơn không trả tiền hàng đầy đủ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được ký kết tại hợp đồng. Vì bị đơn vi phạm về thời hạn nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bên nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả nợ số tiền hàng còn nợ và lãi suất chậm trả là có căn cứ cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn đã nộp đầy đủ chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình; Toà án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo qui định pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N(tiền thân là Công ty G CTC) ký kết hợp đồng đại lý với nguyên đơn Công ty H.M, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, vi phạm phương thức thanh toán trả nợ tiền hàng cho bên nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện và buộc bị đơn phải trả số tiền hàng chưa thanh toán và tiền lãi suất chậm trả do bị đơn chậm nghĩa vụ thanh toán tương ứng với thời gian chậm trễ là có căn cứ cần chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền hàng **222.514.787đồng** còn lại chưa thanh toán và số tiền lãi suất chậm trả theo từng thời điểm cụ thể: Từ tháng 7/2018 đến tháng 5/2020 là 23 tháng, số tiền gốc 245.084.777 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng = 42.277.123 đồng (Riêng trong tháng 6/2020 bên bị đơn có thanh toán số tiền hàng 22.569.990 đồng cho bên nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đã trừ vào số tiền gốc là đúng với các hoá đơn chứng từ nguyên đơn đã cung cấp. Tiền gốc còn lại 222.514.787đồng và lãi suất tính từ tháng 7/2020 đến ngày 06/3/2024 xét xử sơ thẩm là 44 tháng 06 ngày, như vậy 222.514.787đồng x 0,75%/tháng x 44 tháng 06 ngày = 73.763.651 đồng; lãi suất tổng cộng là: **116.040.774 đồng**.

Tổng cộng số tiền hàng còn nợ 222.514.787đồng + tiền lãi suất do chậm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng 116.040.774 đồng = 338.555.561 đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi năm nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng*), buộc bị đơn Công ty Hoàng Kim T.N(tiền thân là Công ty G CTC) phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty H.M.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh Tong mại sơ thẩm là: 16.927.778 đồng để sung công.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh Tong mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 93, 94, 95, 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*);

- Căn cứ vào các Điều 166; 168; 175; 292 và Điều 306 của Luật Tong mại năm 2005;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Tong mại
- Sản xuất H.M.

Buộc Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N(tiền thân là Công ty cổ phần G CTC) phải trả ngay cho Công ty H.M, tổng số tiền là 338.555.561 đồng (*Ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi năm nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng*), (trong đó 222.514.787đồng là số tiền hàng còn nợ và 116.040.774 đồng tiền lãi suất do chậm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Kim T.N (tiền thân là Công ty cổ phần G CTC) phải chịu 16.927.778đ (Mười sáu triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng) tiền án phí kinh doanh Tong mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty H.M, không phải chịu án phí kinh doanh Tong mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 9.731.908đ (Chín triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, chín trăm lẻ tám đồng) theo biên lai số 0001516 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P tỉnh G.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng. thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**